

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/DS-ST

Ngày: 13-01-2023

*“V/v tranh chấp về thừa kế tài sản
theo pháp luật”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Khắc Thái

2. Ông Hà Quang Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Đào Sỹ Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐ-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐ-DS ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị L1 sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị L3, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 22 Đức Lợi 1, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 5 năm 2022, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn là Bà Bùi Thị L trình bày:

Bố tôi là Cụ Bùi Văn R sinh năm 1947 mất năm 2013 và cụ Nguyễn Thị L sinh năm 1942 mất năm 2020. cụ R và cụ L có 03 người con đẻ gồm: Bà Bùi Thị L sinh năm 1972; Bà Bùi Thị L3 sinh năm 1981; Bà Bùi Thị L1 sinh năm 1985. Hiện các con

đẻ của cụ R và cụ L đều còn sống. cụ R và cụ L không có con nuôi và con riêng. Hiện bố mẹ đẻ của hai cụ đều đã chết. Bố mẹ tôi chết không để lại di chúc.

Bố mẹ tôi có để lại di sản là quyền sử dụng đất có diện tích 2780 m² tại thửa số 290, tờ bản đồ số 08 Bản đồ địa chính xã X, trong đó có 360m² đất ở và 2420m² đất vườn. Địa chỉ thửa đất: Tại Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình đã được Cấp giấy chứng nhận lần đầu ngày 19/12/1997 do UBND huyện N cấp, mang tên cụ Bùi Văn Rịp, chưa cấp đổi lại lần nào. Hiện nay trên thửa đất có 01 căn nhà cấp 4 đã cũ, cây cối ăn quả, tuy nhiên không ai trực tiếp ở đó, hiện tại chỉ có tôi và cô L sống tại địa phương nên luân phiên thay nhau về trông coi; 01 con bò mẹ, 01 con bê hiện cô L đang quản lý.

Tôi đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật những tài sản trên cho 3 chị em. Nếu cô L muốn lấy phần đất có nhà thờ thì tôi lấy phần đất trống từ phía ngoài cổng vào, và ai được đất giá trị hơn thì phải thanh toán giá trị cho người khác.

- Ý kiến của bị đơn Bà Bùi Thị L1 được thể hiện qua đơn trình bày ý kiến, trong biên bản họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải tại Tòa án thể hiện:

Tôi xác nhận về diện hàng thừa kế và di sản bố mẹ để lại như bà L khai là đúng. Tuy nhiên tôi chưa nhất trí chia, tôi không giữ nhưng muốn xong công việc của mẹ tôi (sang cát cho mẹ) thì tôi mới đồng ý chia.

Đến nay bà L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản bố mẹ để lại thì tôi không nhất trí. Tôi không đồng ý và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

Bà Bùi Thị L3 đã nhận các thông báo của Tòa án huyện N và có ý kiến ủy quyền cho bà Luyện tham gia tố tụng, tuy nhiên sau khi Phiên tòa được hoãn lần thứ nhất thì bà L lại có đơn muốn trực tiếp tham gia phiên tòa và trình bày ý kiến trực tiếp tại phiên tòa.

Qua nhiều lần hòa giải các bên vẫn không đi đến thống nhất được các vấn đề của vụ án vì vậy vụ án được đưa ra xét xử.

Theo yêu cầu của đương sự và xét thấy cần thiết, ngày 08/7/2022 Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá di sản do đương sự yêu cầu chia và những tài sản khác có liên quan. Kết quả cụ thể như sau:

1. Đối với quyền sử dụng đất có diện tích 2780 m² tại thửa số 290, tờ bản đồ số 08 Bản đồ địa chính xã X, trong đó có 360m² đất ở và 2420m² đất vườn. Địa chỉ thửa đất: Tại Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình được Cấp giấy chứng nhận lần đầu ngày 19/12/1997 do UBND huyện N cấp, mang tên cụ Bùi Văn Rịp. Qua đo đạc thực tế diện tích hiện tại là 3.036,6m² tăng diện tích đất vườn lên 256,6m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể các chiều cạnh như sau:

- + Phía Đông giáp đường giao thông thôn có chiều dài: 41.05m+26.84m+7.76m
- + Phía Tây giáp thửa 287 và thửa 289 có chiều dài là 16.98m+ 20.37m+12.83m
- + Phía Nam giáp thửa 292 có chiều dài là: 43.99m+12.82m

+ Phía Bắc giáp đường giao thông thôn có chiều dài là: 32.67m+9.35m

(Có trích lục sơ đồ địa chính kèm theo)

Giá của thửa đất: Giá đất ở là 200.000 đồng x 360m² + 2420m² đất vườn x 110.000 đồng = 338 200.000 đồng.

2. Tài sản trên đất:

2.1. Nhà và công trình khác.

- 01 nhà cấp 4 ba gian xây năm 1986, bếp và sân trệt bê tông hiện xuống cấp không ai ở và hết khấu hao, không còn giá trị sử dụng.

- 02 con bò có giá 19.000.000 đồng

- Cây cối trên đất nhưng các đương sự không yêu cầu kiểm đếm và định giá

- Xung quanh thửa đất chưa được xây tường bao mà ngăn cách với các thửa khác bằng hàng rào cây cối.

Tổng giá trị di sản cụ R và cụ L để lại là 357.200.000 đồng.

Hiện nay không ai ở và sinh sống trực tiếp tại thửa đất.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm, thống nhất về hàng, diện thừa kế và di sản bố mẹ để lại. Tuy nhiên các bên không thống nhất thời điểm chia, bà Luyện và bà Lân chưa muốn chia di sản mà để khi sang cát cho cụ L thì lúc ấy mới chia.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS 2015. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72, 73 BLTTDS 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điều 650, Điều 651, Điều 658, các Điều 357, 468, 609, 611, 612, 613, 618, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 52, 57, 167 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Thứ nhất, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Bà Bùi Thị L yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Bùi Văn R và cụ Nguyễn Thị L theo pháp luật.

Thứ hai, xác nhận quyền thừa kế di sản của hai cụ thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Bùi Thị L, bà Bùi Thị L3, Bà Bùi Thị L1 được hưởng di sản thừa kế của hai cụ để lại.

Thứ ba, về chia di sản thừa kế:

Cụ Rip và cụ Lchết để lại tài sản tại thửa số 290 tờ bản đồ địa chính xã X, mang tên cụ Bùi Văn Rip, diện tích đất 2780m² trong đó có 360m² đất ở và 2420m² đất vườn và các tài sản gắn liền trên đất. Giá trị di sản thừa kế hai cụ để lại các đương sự yêu cầu phân chia là 338.200.000 đồng (ba trăm ba mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng). Như vậy mỗi đồng thừa kế được chia phần diện tích đất trị giá 112.733.000 đồng (một trăm mười hai triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Bùi Thị L tại phiên hòa giải ngày 13/10/2022, tự nguyện nhận phần đất trồng (là đất vườn) từ ngoài cổng vào, đồng ý để cho Bà Bùi Thị L1 phần đất có nhà bên trên.

Căn cứ vào thực trạng thực đất và các tài sản trên đất (bao gồm nhà cấp 4, bếp, sân giếng, lán bán mái không xây tường) đã hết khấu hao, đề xuất:

Chia cho Bà Bùi Thị L diện tích 999,2m² đất vườn, trị giá 109.912.000 đồng (một trăm linh chín triệu chín trăm mười hai nghìn đồng). Phía Đông giáp đường giao thông thôn, dài 0,75m + 19,46m; Phía Tây giáp Ủy ban, dài 6,05m + 9,96m + 2,87m; Phía Nam giáp đất chia cho bà Bùi Thị Luyên; Phía Bắc giáp phần đất tăng thêm, dài 12,6m + 5,13m + 30,31m.

Chia cho Bà Bùi Thị L1 phần đất có diện tích 615,6m² đất vườn và 222,6m² đất ở, trị giá 112.236.000 đồng (một trăm mười hai triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Phía Đông giáp đường giao thông thôn, dài 20,15m; Phía Tây giáp thửa 289, dài 1,36m + 14,31m; Phía Nam giáp phần đất chia cho bà Bùi Thị L3; Phía Bắc giáp phần đất chia cho Bà Bùi Thị L.

Chia cho bà Bùi Thị L3 diện tích 805,2m² đất vườn và 137,4 m² đất ở, trị giá 116.052.000 đồng (một trăm mười sáu triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng). Phía Đông giáp đường giao thông thôn, dài 20,15m; Phía Tây giáp thửa 287 và 289, dài 15,62m; Phía Nam giáp thửa 292, có chiều dài 43,99m + 12,82m; Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Bùi Thị Luyên.

Do thực tế thừa đất, nên việc chia đất có sự chênh lệch về trị giá của mỗi phần, người nào được chia phần đất có trị giá lớn hơn phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho những người còn lại. Cụ thể:

- Bà Bùi Thị L3 phải thanh toán cho Bà Bùi Thị L số tiền chênh lệch là 2.821.000 đồng (hai triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng).
- Bà Bùi Thị L3 phải thanh toán cho Bà Bùi Thị L1 số tiền chênh lệch là 497.000 đồng (bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng)

Do cây trồng trên đất gồm nhiều loại cây tuy nhiên các đương sự không yêu cầu nên các cây này rơi vào vị trí đất của ai thì người đó được thu hoạch.

Bên cạnh đó còn 01 con bò và 01 con bê hiện đang do bà Luyên quản lý, trị giá 19.000.000 đồng. Giao cho bà Luyên tiếp tục quản lý, bà Luyên phải thanh toán cho bà L và bà Lân mỗi người 6.333.000 đồng (sáu triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Về án phí: Theo quy định của pháp luật

Về chi phí thẩm định: Theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về chia thừa kế là quyền sử dụng đất tại Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 35; Điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cần được xem xét giải quyết.

[2]. Về nội dung:

Qua các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và diễn biến tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về thời hiệu khởi kiện và pháp luật áp dụng:

Cụ Bùi Văn Rmát năm 2013 và cụ Nguyễn Thị Lmát năm 2020. Ngày 11/5/2022, Bà Bùi Thị L là con đẻ của cụ Rvà cụ Lkhởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của hai cụ theo pháp luật. Căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế”. Do vậy, thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Rvà cụ Lvẫn còn.

Về pháp luật áp dụng: Cụ Bùi Văn Rmát năm 2013 và cụ Nguyễn Thị Lmát năm 2020 và thửa đất tranh chấp chia thừa kế được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, Luật đất đai năm 2013 và một số văn bản hướng dẫn để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như ý kiến của bị đơn.

[2.2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.2.1]. Về di sản thừa kế:

Di sản cụ Buri Văn Rvà cụ Nguyễn Thị Lgồm: Quyền sử dụng đất có diện tích 2780 m² tại thửa số 290, tờ bản đồ số 08 Bản đồ địa chính xã X, trong đó có 360m² đất ở và 2420m² đất vườn. Địa chỉ thửa đất: Tại Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình được Cấp giấy chứng nhận lần đầu ngày 19/12/1997 do UBND huyện N cấp, mang tên cụ Bùi Văn Ríp. Trên đó có 01 căn nhà cấp 4 ba gian được xây dựng năm 1986 và 02 con bò. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất về khối di sản này, không có ý kiến khác về số lượng. Di sản chưa có sự phân chia hay chuyển đổi và chuyển nhượng.

Theo kết quả đo đạc thì diện tích thực tế của thửa đất là 3036.6m² tăng lên là 256.6m² đất vườn so với diện tích được cấp trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại biên bản làm việc ngày 11/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện N với UBND xã X xác định: *Lý do diện tích đất tăng: Do quá trình đo đạc, trước đây đo thủ công, giờ đo bằng máy. Diện tích này tăng lên cũng vẫn nằm trong khuôn viên sử dụng của nhà cụ Rip, vì các hộ xung quanh sử dụng ổn định lâu dài không có tranh chấp, giáp ranh với các hộ ổn định. Vì vậy nếu sau này gia đình các con cụ Rđược phân chia và có yêu cầu, nộp các nghĩa vụ tài chính với địa phương và Nhà nước thì sẽ làm thủ tục với phần đất tăng sau.* Theo quy định tại khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 thì: *“Trường hợp có sự chênh lệch diện tích giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này hoặc Giấy chứng nhận đã được cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề thì khi cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế....”*

Giá trị của di sản do hai cụ để lại đã được Hội đồng định giá xác định là 357.200.000 đồng. Quá trình giải quyết các đương sự không có ý kiến gì về việc xác định giá trị của di sản.

[2.3]. Về xác định diện và hàng thừa kế: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập Hội đồng xét xử thấy: Cụ Bùi Văn Rvà cụ Nguyễn Thị Lcó 03 người con đẻ gồm: Bà Bùi Thị L sinh năm 1972; Bà Bùi Thị L3 sinh năm 1981; Bà Bùi Thị L1sinh năm 1985. Hiện các con đẻ của cụ Rvà cụ Lđều còn sống. cụ Rvà cụ Lkhông có con nuôi và con riêng khai nhận theo thủ tục pháp lý tại UBND xã. Hiện bố mẹ đẻ của hai cụ đều đã chết. Cần xác định 03 người con kể trên là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Rvà cụ Lnên được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản của hai cụ để lại.

[2.4]. Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn có yêu cầu được chia quyền sử dụng đất để sử dụng, theo quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì di sản thừa kế của cụ Rvà cụ Lchia được bằng hiện vật, nên cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

Hội đồng xét xử xác định di sản của cụ Rvà cụ Lđể lại gồm: Quyền sử dụng 2420m²; Trong đó 360 m² đất ở, 2040 m² đất vườn; 01 căn nhà cấp 4 ba gian không còn giá trị sử dụng, 02 con bò. Tổng giá trị khối di sản là 357.200.000 đồng. Đối với quyền sử dụng đất này cần được chia đều cho các đồng thừa kế.

Về nghĩa vụ của người để lại di sản: Theo biên bản làm việc ngày 11/7/2022 thì UBND xã X xác định trước khi mất hai cụ Bùi Văn Rvà Nguyễn Thị Lđã hoàn thành tất cả các khoản nghĩa vụ về thuế và lệ phí tại địa phương. Các khoản thuế và phí với thửa đất hiện tại UBND xã X chưa thực hiện thu bất cứ khoản nào đối với những người thừa kế của hai cụ Bùi Văn Rvà cụ Nguyễn Thị Liên. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét khấu trừ các nghĩa vụ vào giá trị di sản.

Về tính công trông coi, bảo quản, tôn tạo di sản: Hiện nay trên thửa đất có 01 căn nhà cấp 4 đã cũ, cây cối ăn quả, tuy nhiên các con của hai cụ không ai trực tiếp ở

đó, hiện tại chỉ có bà L và bà Luyến sinh sống tại địa phương nên luân phiên thay nhau về trông coi. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét công bảo quản, trông coi di sản, công bồi đắp và giá trị các tài sản cho các đồng thừa kế.

Theo quy định tại Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai, Điều 11 – Luật Đất đai thì: nơi xây dựng các công trình cố định như nhà, bếp, giếng, sân và công trình phụ thì xác định vị trí đó là đất ở 360m². Vì vậy, nếu sau này vị trí đất ở chia cho ai thì người đó có trách nhiệm thanh toán phần giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác.

Theo kết quả thẩm định và định giá thì diện tích đất là di sản thừa kế có diện tích đất thực tế là 3036.6 m² (trong đó có 360m² đất ở, 2676.6m² đất vườn), xác định diện tích đất thừa tăng lên không do lấn chiếm mà do sai số về đo đạc, vì vậy diện tích này sẽ tạm giao cho người được chia diện tích đất liền kề.

Đối với căn nhà cấp 4 ba gian đã hết giá trị sử dụng và các cây cối có trên đất, các đương sự không yêu cầu chia. Vì vậy sau này căn nhà và cây cối thuộc phần đất của ai thì người đó được sở hữu và sử dụng.

Như vậy, Hội đồng xét xử phân chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế như sau:

Xác định di sản của di sản của Rip và cụ Lễ để lại là quyền sử dụng diện tích đất có diện tích theo Giấy chứng nhận là 2780 m² tại thửa số 290, tờ bản đồ số 08 Bản đồ địa chính xã X, trong đó có 360m² đất ở và 2420m² đất vườn;; 01 căn nhà cấp 4 ba gian; 02 con bò... Tổng giá trị có giá trị khối di sản là 357.200.000 đồng

Tính theo giá trị thì 01 kỷ phần sẽ là: 357200.000: 3= 119.066.000 đồng.

Sau khi xem xét đánh giá hiện trạng thửa đất cũng như đảm bảo công năng sử dụng, tính ổn định, tính pháp lý sau khi chia cho các đồng thừa kế, Hội đồng xét xử phân chia như sau:

- Chia cho Bà Bùi Thị L được quyền sử dụng 999,2m² đất vườn có tứ cận như sau : Mặt tiền phía Đông giáp đường đi có chiều dài là 0.75m + 19.46m ; Phía Tây giáp đất của Ủy ban có chiều dài 6.05m + 9.96m+2.87m ; Phía Bắc giáp phần đất tăng và giáp lưu không đường đi có chiều dài 30.31m+5.13m+12.6m ; Phía Nam giáp đất chia cho bà Luyến. Cùng các cây cối công trình có trên đất. 01 con bê. Tổng giá trị các tài sản được chia là 113.912.000đ (một trăm mười ba triệu chín trăm mười hai nghìn đồng).

- Chia cho Bà Bùi Thị L1 được quyền sử dụng 838.2m²(trong đó 222.6m² đất ở và 615.6m² đất vườn) có tứ cận như sau : Mặt tiền phía Đông giáp đường đi có chiều dài là 20.15m ; Phía Tây giáp thửa 289 có chiều dài là 14.31m+1.36m ; Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà L; Phía Nam giáp đất chia cho bà Lân. Cùng các cây cối công trình có trên đất. 01 con bò. Tổng giá trị các tài sản được chia là 127.560.000đ(một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Chia cho bà Bùi Thị L3 được quyền sử dụng 942.6m²(trong đó 137.4m² đất ở và 805.2m² đất vườn) có tứ cận như sau : Mặt tiền phía Đông giáp đường đi có

chiều dài là 20.15m ; Phía Tây giáp thửa 289 và thửa 287 có chiều dài là 15.62m ; Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Luyến; Phía Nam giáp thửa số 292 có chiều dài 43.99m+12.82m. Cùng các cây cối công trình có trên đất. Có giá trị là 116.052.000đ(một trăm mười sáu triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Tạm giao cho Bùi Thị L quản lý và sử dụng 256.6m² đất vườn (diện tích tăng) diện tích đất nằm trong khuôn viên đất do gia đình đang sử dụng nhưng hạn chế bà L xây dựng công trình kiên cố trên đất cho đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về phần đất này.

Bà Bùi Thị L1 có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản cho Bà Bùi Thị L là 5.154.000đ (năm triệu một trăm năm mươi tư nghìn đồng).

Bà Bùi Thị L1 có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản cho bà Bùi Thị L3 là 3.014.000đ(ba triệu không trăm mười bốn nghìn đồng).

[2.5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Các đương sự đã tự thanh toán và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[2.6]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị di sản mà mình được hưởng. Cụ thể: 119.066.000đồng x 5% = 5.953.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Điều 5; khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 149; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ: Điều 357; Điều 468, Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 618, Điều 623; khoản 1 Điều 650; Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Khoản 5 Điều 98, Điều 100, Điều 166, Điều 167 Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ: Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của Bà Bùi Thị L đối với quyền sử dụng diện tích 2780m² (trong đó có 360m² đất ở, 2420m² đất vườn); 02 con bò có tổng giá trị là 357.200.000 đồng, tại thửa tại thửa số 290, tờ bản đồ số 08 Bản đồ địa chính xã X. Do UBND huyện N cấp giấy chứng nhận lần đầu ngày 19/12/1997, mang tên cụ Bùi Văn Rịp. Địa chỉ thửa đất: Tại Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Phân chia di sản.

2.1. Bà Bùi Thị L được quyền sử dụng đất có diện tích là 999,2m² đất vườn có tứ cận như sau : Mặt tiền phía Đông giáp đường đi có chiều dài là 0.75m + 19.46m ; Phía Tây giáp đất của Ủy ban có chiều dài 6.05m + 9.96m+2.87m ; Phía Bắc giáp

phần đất tăng và giáp lưu không đường đi có chiều dài 30.31m+5.13m+12.6m ; Phía Nam giáp đất chia cho bà Luyến. Cùng các cây cối công trình có trên đất. 01 con bê. Tổng giá trị các tài sản được chia là 113.912.000đ (một trăm mười ba triệu chín trăm mười hai nghìn đồng).

2.2. Bà Bùi Thị L1 được quyền sử dụng diện tích đất 838.2m²(trong đó 222.6m² đất ở và 615.6m² đất vườn) có tứ cận như sau : Mặt tiền phía Đông giáp đường đi có chiều dài là 20.15m ; Phía Tây giáp thửa 289 có chiều dài là 14.31m+1.36m ; Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà L; Phía Nam giáp đất chia cho bà Lân. Cùng các cây cối công trình có trên đất. 01 con bò. Tổng giá trị các tài sản được chia là 127.560.000đ(một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.3. Bà Bùi Thị L3 được quyền sử dụng diện tích đất 942.6m²(trong đó 137.4m² đất ở và 805.2m² đất vườn) có tứ cận như sau : Mặt tiền phía Đông giáp đường đi có chiều dài là 20.15m ; Phía Tây giáp thửa 289 và thửa 287 có chiều dài là 15.62m ; Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Luyến; Phía Nam giáp thửa số 292 có chiều dài 43.99m+12.82m. Cùng các cây cối công trình có trên đất. Có giá trị là 116.052.000đ(một trăm mười sáu triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Tạm giao cho Bùi Thị L quản lý và sử dụng 256.6m² đất vườn (diện tích tăng) diện tích đất nằm trong khuôn viên đất do gia đình đang sử dụng nhưng hạn chế bà L xây dựng công trình kiên cố trên đất cho đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về phần đất này.

(Có sơ họa kèm theo).

2.4. Buộc Bà Bùi Thị L1 phải thanh toán tiền chênh lệch giá trị đất cho các đồng thừa kế, cụ thể như sau:

- Thanh toán cho Bà Bùi Thị L là 5.154.000đ (năm triệu một trăm năm mươi tư nghìn đồng).

- Thanh toán cho bà Bùi Thị L3 là 3.014.000đ(ba triệu không trăm mười bốn nghìn đồng).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán hết số tiền phải thi hành án cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị L, Bùi Thị L3, Bùi Thị Luyến mỗi bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.953.000 đồng .

Bà Bùi Thị L đã nộp 2.150.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0003473 ngày 11/5/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N. Bà Bùi Thị L phải nộp tiếp 3.803.000 đồng

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *THADS huyện N;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh